TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-PT
Ngày: 26-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trúc

Các Thẩm phán: Ông Lương Quang

Ông Mai Tấn Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thục Uyên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** Ông Nguyễn Hùng Việt, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2017/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1969; trú tại: thôn A, xã B, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông D – Luật sư Văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Tổng công ty B; địa chỉ trụ sở: đường X, quận Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Xuân D, sinh năm 1979 – nhân viên chi nhánh Tổng công ty B Phú Yên thuộc Tổng công ty B; địa chỉ liên lạc: đường M, phường N, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên *(Theo giấy ủy quyền số 3133/UQ-BHBV ngày 01/6/2017)*. Có mặt.

3. Người kháng cáo:

Bị đơn: Tổng công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2016 và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 18/7/2016, bà T có tham gia bảo hiểm vật chất toàn bộ xe ô tô 78B-002.60 tại Tổng công ty B Phú Yên *(viết tắt là tổng công ty B)* với thời gian 01

năm, từ ngày 19/7/2016 đến 18/7/2017, trị giá bảo hiểm vật chất toàn bộ xe là 220.000.000 đồng, phí bảo hiểm tương ứng là 5.592.620 đồng.

Ngày 04/10/2016 xe ô tô 78B-002.60 xảy ra rủi ro cháy hoàn toàn. Bà T đã yêu cầu tổng công ty B bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết nhưng tổng công ty B không đồng ý bồi thường theo giá trị hợp đồng mà chỉ đưa ra giá bồi thường 130.000.000 đồng nên bà không đồng ý. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Tổng công ty B phải chi trả bồi thường giá trị toàn bộ xe ô tô 78B-002.60 theo Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết giữa bà với tổng công ty B ngày 18/7/2016 là 220.000.000 đồng.

Tại bản trình bày và các ý kiến tại các biên bản hòa giải đại diện bị đơn trình bày: Về hợp đồng bảo hiểm và sự cố xảy ra đối với xe ô tô 78B-002.60 đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi sự việc xảy ra, phía tổng công ty B đã khảo sát kỹ dòng xe tương tự như xe ô tô 78B-002.60 thì chỉ có giá từ 100.000.000 đến 130.000.000 đồng nên chỉ đồng ý bồi thường toàn bộ xe ô tô 78B-002.60 với trị giá 130.000.000 đồng hoặc bồi thường bằng một tài sản khác tương tự nhưng bà T không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Tổng công ty B phải chi trả tiền bảo hiểm vật chất toàn bộ xe ô tô 78B-002.60 theo Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số PHY.D10.OT.16.HD 244 ngày 18/7/2016 và Giấy chứng nhận bảo hiểm ngày 18/7/2016 bảo hiểm vật chất xe toàn bộ là 220.000.000 đồng, không đồng ý nhận tài sản khác tương tự vì thời gian xảy ra đã lâu bà đã mua xe khác hoạt động nên không có nhu cầu nhận tài sản.

Đại diện bị đơn trình bày: về Hợp đồng bảo hiểm và sự cố xảy ra đối với xe ô tô 78B-002.60 đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi sự việc xảy ra tổng công ty B đã căn cứ khoản 1 Điều 46 Luật kinh doanh bảo hiểm xác định bồi thường trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm nên tổng công ty B không đồng ý bồi thường 220.000.000 đồng như hợp đồng.

Với nội dung trên, tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã áp dụng các Điều 12, 13, 14, 15, 40, 41, 46 và 47 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án; Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 24/7/2017, bị đơn Tổng công ty B kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án: theo đó, bên Tổng công ty B bồi thường cho bà T số tiền 160.000.000 đồng, theo Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số PHY.D10.OT.16.HD 244 ngày 18/7/2016; sau khi nhận bồi thường bà T phải giao lại toàn bộ giấy tờ và xác xe ô tô biển số 78B-00260 cho Tổng công ty B được quyền sở hữu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy việc thỏa

thuận của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của các bên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bản án KDTM sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa có kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T và bị đơn Tổng công ty B thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm xe ô tô số PHY.D10.OT.16.HD 244 ngày 18/7/2016. Nguyên đơn giao lại xác xe và toàn bộ giấy tờ cho bị đơn sau khi nhận được tiền bồi thường.

Xét thấy, các bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có căn cứ công nhận sự thỏa thuận của đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: các bên không thỏa thuận, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận của các bên, nghĩa vụ bồi thường của bị đơn có sự thay đổi so với Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy, chiếu theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, sửa án phí sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm và án phí sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Sửa bản án sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn bà T và bị đơn Tổng công ty B.

Bị đơn Tổng công ty B có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn bà T số tiền 160.000.000 *(một trăm sáu mươi triệu)* đồng. Sau khi nhận được bồi thường, nguyên đơn bà T có trách nhiệm giao lại toàn bộ giấy tờ xe và xác xe ô tô biển số 78B-00260 cho Tổng công ty B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì phải chịu

thêm khoản lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với số tiền bồi thường và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc bị đơn Tổng công ty B phải chịu 2.000.000 *(hai triệu)* đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 5069 ngày 21/8/2017 và số 5306 ngày 10/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa. Bị đơn còn phải chịu 8.000.000 (*tám triệu)* đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà T 5.500.000 *(năm triệu năm trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004480 ngày 22/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hữu Trúc

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Trúc